

Nghiên cứu quản lý thư viện đại học trong bối cảnh cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0

Nguyễn Thị Như Quyển*

*Trường ĐH Đồng Tháp

Received: 6/1/2024; Accepted: 16/1/2024; Published: 26/1/2024

Abstract: Through practical tasks and orientations for library development in the digital era, the author proposes the content of the article, specifically as follows: The role of libraries in higher education; Essential elements for library management in the digital era; Some recommendations for research directions. The contribution of the article is as a reference, supplementing the theoretical basis for university library development in the digital era to meet the needs of human resource training for society and library development.

Keywords: Industry 4.0, university education, digital era, university library.

1. Đặt vấn đề

Đào tạo nguồn nhân lực (NNL) cho xã hội là nhiệm vụ cốt lõi của cơ sở giáo dục đại học (GDĐH), để hoàn thành tốt nhiệm vụ này cần có nhiều yếu tố hỗ trợ quan trọng, trong đó có thư viện (TV). Khoa học công nghệ (KHCN) là nền tảng cho sự phát triển của hầu hết TV trường ĐH nhằm kịp thời đáp ứng nhu cầu giáo dục và đào tạo (GD&ĐT). Sự đổi mới liên tục của công nghệ số đã và đang là cơ hội, là thách thức đối với hầu hết các TV trường ĐH. Các hoạt động của TV trường ĐH phần lớn được ứng dụng công nghệ vào các khâu quản lý, phục vụ người sử dụng TV có nhiều thuận lợi. Tuy nhiên, trong kỷ nguyên số TV cần thiết cải tiến, về vai trò, chức năng, quản lý, phục vụ, bổ sung nguồn tài liệu và phát triển đội ngũ TV... Nếu được đổi mới những hoạt động của TV trên nền tảng số, phù hợp với KHCN cũng như thực tiễn phát triển của nhà trường, hướng tới những tiện lợi cho người học, người dạy; thì chất lượng GD&ĐT và vị thế nhà trường được nâng lên. TV ĐH trong cuộc cách mạng 4.0 gắn với những phương thức quản lý, phục vụ mới và kết quả kiểm định chất lượng giáo dục là phương thức nâng cao vị thế nhà trường, điều này không tách rời vai trò, nhiệm vụ của TV.

Vì vậy đổi mới tư duy con người về: vai trò, nhiệm vụ, chức năng của TV trường ĐH. Quản lý TV trong kỷ nguyên số là một hướng mở mới để phát triển năng lực của đội ngũ cán bộ làm công tác TV cùng với việc cải thiện CSVC, nguồn học liệu của TV trường ĐH đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập và nâng cao hiệu quả, chất lượng GD&ĐT.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Một số khái niệm

2.1.1. *Thư viện ĐH*: là TV có CNTT phục vụ người học và người dạy trong cơ sở GDĐH. TV ĐH thực hiện các chức năng, nhiệm vụ như: phát triển tài nguyên thông tin, phù hợp với mục tiêu, nội dung, chương trình, lĩnh vực, ngành đào tạo, NCKH; tổ chức không gian đọc, hướng người dùng TV sử dụng tài nguyên, dịch vụ TV, hoàn thiện kỹ năng tìm kiếm thông tin; thực hiện liên thông TV (Luật Thư viện, 2020, tr.19 – tr.20)

2.1.2. *Quản lý TV trường ĐH là việc quản trị, tổ chức* cho các hoạt động của TV được diễn ra bình thường, tương ứng với khâu: phục vụ người dùng TV, bổ sung tài nguyên thông tin, quản lý hiệu quả các động của TV thông qua mỗi nhiệm vụ của đội ngũ người làm công tác TV ở mỗi năm học.

2.2. Vai trò, chức năng, nhiệm vụ của thư viện ĐH

2.2.1. *Vai trò của thư viện ĐH*: TV ĐH có vai trò quan trọng trong hoạt động đào tạo NNL như: cung cấp tài liệu phục vụ hoạt động dạy và học; hỗ trợ đổi mới PPDH, đổi mới phương thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học và cung cấp tài liệu, học liệu cho nghiên cứu khoa học (NCKH), học tập, tự học, rèn luyện. Ngoài ra, TV còn liên kết với Đoàn, Hội để tham gia, tổ chức Hội thảo khoa học, tọa đàm với người dùng TV và các diễn giả về giáo dục học đường, văn hóa đọc, phát triển năng lực học tập, tự học cho SV.

TV là nơi lưu trữ và truyền bá tri thức của nhân loại đến với người dùng tin nói chung. TV thúc đẩy sự tiến bộ của xã hội thông qua giá trị tri thức, giá trị

tinh thần được lưu giữ trong kho tàng tư liệu, từ tài liệu bằng in đến tài liệu bằng điện tử. TV có vai trò đặc biệt quan trọng là giúp cho người sử dụng TV tiếp cận với tri thức ở mọi hình thức, trực tiếp/trực tuyến (Đình Thùy Dung, 2021).

2.2.2. Chức năng, nhiệm vụ của thư viện ĐH: Thư viện trường ĐH có chức năng và nhiệm vụ, cụ thể như: Xây dựng, xử lý, lưu giữ, bảo quản, kết nối và phát triển CNTT phù hợp với người sử dụng TV; Tổ chức sử dụng chung CNTT và dịch vụ TV, truyền bá tri thức, giá trị văn hóa của dân tộc và nhân loại, phục vụ nhu cầu nghiên cứu, học tập, giải trí, góp phần hình thành phát triển kiến thức, kỹ năng, phẩm chất, năng lực của người sử dụng TV; TV ứng dụng những thành tựu KHCN nhằm thực hiện hiện đại hóa TV; TV là nơi thuận lợi trong việc phát triển văn hóa đọc, năng lực tự học và góp phần tạo môi trường học tập suốt đời cho người học nói chung, xây dựng xã hội học tập, nâng cao dân trí, xây dựng con người Việt Nam toàn diện; Thực hiện liên thông với TV trong nước và ngoài nước; Thực hiện nhiệm vụ khác do cơ sở GDĐH giao (Luật Thư viện, 2019).

2.3. Các yếu tố cần thiết cho thư viện ĐH thời đại 4.0

Cuộc CMCN 4.0 đã mở ra cho nhân loại những thành quả rất lớn, qua lao động tri thức, giá trị của tri thức ở mỗi lĩnh vực được tiếp cận một cách thuận tiện. Trong đó có tri thức mở, tri thức mở là yếu tố thiết yếu trong thời đại 4.0. Tri thức mở góp phần nâng cao vai trò quan trọng của TV ĐH trong kỷ nguyên số.

2.3.1. Quản lý thư viện

Quản lý TV thời đại 4.0 đòi hỏi sự am hiểu về lĩnh vực công nghệ, truyền thông cũng như sử dụng các ứng dụng của công nghệ một cách thuần thục. Việc quản lý TV nói chung là khâu quan trọng để nắm được thông tin từ hai phía: người sử dụng TV và người làm công tác TV, nhằm định hướng, ra quyết định phù hợp với thực tiễn cũng như đáp ứng nhu cầu của người dùng tin. Bởi TV có nhiệm vụ phục vụ người sử dụng ở các hoạt động đúng với chức năng, vai trò của TV theo luật định. Thời đại 4.0 cho phép TV có thể liên thông, liên kết với nhiều nguồn tài nguyên, tư liệu ở nhiều nơi khác nhau nhằm nâng cao hiệu quả phục vụ người dùng TV. Điều đó còn thể hiện được vai trò của TV trong hoạt động phục vụ người sử dụng TV tiếp cận với nguồn tri thức mới. Cải tiến trong hoạt động quản lý

2.3.2. Tri thức mở: Tri thức mở là chìa khóa, là công cụ hỗ trợ cho con người trong hoạt động chuyên

môn, nghề nghiệp, phát triển xã hội và làm giàu cho đất nước. Cốt lõi của của tri thức mở là phát triển xã hội và đạt được sự thành công. Vì vậy, TV trường ĐH trong cuộc CMCN 4.0 không thể thiếu nguồn tri thức mở, để người học, người dạy có thể tìm kiếm, sử dụng tài nguyên TV ở mọi lúc mọi nơi.

2.3.3. Năng lực của người làm công tác Thư viện

Người làm công tác TV được đào tạo bài bản với khung chương trình, chuyên môn nhất định về TV, thông tin TV cũng như vận dụng công nghệ vào việc xử lý kỹ thuật trong quá trình nhập dữ liệu, tài liệu vào các kho mở của TV để sẵn sàng phục vụ người sử dụng TV, đáp ứng nhu cầu học tập, công việc, nghiên cứu và giải trí. Ngoài các phẩm chất, năng lực nền tảng trên, người làm công tác TV trong kỷ nguyên số cần tự rèn luyện và tích lũy thêm năng lực số và năng lực xã hội nhằm hướng tới mục tiêu phục vụ người dùng TV đạt hiệu quả cao hơn mỗi ngày.

Với phương châm phục vụ hiệu quả cho người học là nhiệm vụ, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ làm công tác TV. Bên cạnh đó, người làm công tác TV còn hướng dẫn, định hướng cho người học các kỹ năng liên quan đến nhiệm vụ chức năng TV.

(a). Năng lực số của người làm công tác thư viện

Ngày nay, năng lực số là yếu tố sống còn của mỗi cá nhân để đạt đến sự thành công trong học tập, lao động, NCKH và phát triển sự nghiệp ở hiện tại và trong tương lai. UNESCO định nghĩa năng lực số là khả năng truy cập, quản trị, thấu hiểu, kết hợp, giao tiếp, đánh giá và sáng tạo thông tin để phục vụ nhiệm vụ, nghề nghiệp.

(b). Các năng lực được chú trọng trong thư viện trường ĐH

Năng lực thông tin và dữ liệu có phần đánh giá dữ liệu, đòi hỏi người làm công tác TV phải am hiểu các lĩnh vực cùng với kiến thức xã hội kết hợp với kiến thức chuyên ngành, để nhận định và đánh giá thông tin hiệu quả hơn. Ở năng lực này cũng đòi hỏi kinh nghiệm thực hành nghề nghiệp của mỗi cán bộ làm công tác TV.

Năng lực lọc dữ liệu, thông tin để cung cấp, phục vụ hoạt động GD&ĐT trong đó có NCKH và tự học chịu sự ảnh hưởng, tác động lớn nhất của đội ngũ trực tiếp làm công tác TV. Năng lực lọc dữ liệu, thông tin góp phần xây dựng cho nguồn học liệu của TV trường ĐH thêm phong phú, đa dạng. Bên cạnh đó, việc tích cực tham gia các hoạt động, hội thảo, trải nghiệm... liên quan đến lĩnh vực phục vụ người dùng tin cũng đem lại những kinh nghiệm, giá trị

trong việc phát triển năng lực lọc dữ liệu, thông tin hiệu quả hơn.

Năng lực đánh giá dữ liệu, thông tin số khuyến khích người làm công tác TV tìm hiểu, am hiểu nhiều lĩnh vực cùng với kiến thức, kinh nghiệm chuyên môn để thực hiện có kết quả, hiệu quả các nhiệm vụ của hoạt động TV. Thông tin ngày càng đa dạng, phong phú trên Internet mà người dùng tin tìm kiếm là không khó khăn, nhưng để chọn được thông tin có độ tin cậy thì đòi hỏi người làm công tác TV phải có cách nhận biết thông tin chính thống để hướng dẫn cho người sử dụng TV hiệu quả. Các nhóm năng lực còn lại như: vận hành, sử dụng phần mềm, thiết bị, giao tiếp, sáng tạo là tất yếu đối với mỗi cán bộ làm công tác TV trong thời đại 4.0. Bên cạnh đó người làm công tác TV thực thi nghiêm túc Luật Sở hữu Trí tuệ Việt Nam nhằm ngăn chặn những vi phạm liên quan đến bản quyền và quyền tác giả.

2.3.4. Cơ sở vật chất, thiết bị hỗ trợ cho thư viện

Thiết bị hỗ trợ TV trong việc số hóa tài liệu, thông tin nhằm thực hiện việc liên thông trên các phần mềm được tiện lợi hơn và hướng đến phương thức phục vụ thông minh. Ngoài ra, sử dụng IoT (Internet of Things – Internet vạn vật) vào công tác tuyên truyền, giới thiệu tài liệu, sách mới đến với người học, người dạy một cách nhanh chóng và hiệu quả. Sự kết hợp của truyền thông phải thật đúng với tinh thần của truyền bá và thông suốt được nội dung truyền bá, tránh tình trạng “truyền” mà không “thông” làm ảnh hưởng trực tiếp đến người sử dụng TV là phải hết sức tránh. Mạng xã hội đã và đang là cơ hội mà cũng là thách thức đối với hoạt động của TV cũng như quản lý TV trong xu hướng hội nhập. Do vậy, cần có sự chuẩn bị, trang bị thiết bị cho TV là yếu tố thiết yếu để phát triển TV hiệu quả đáp ứng nhu cầu đào tạo NNL chất lượng cao. Thông tin trong bảng 2.1 là một số định hướng trang bị thiết bị, mở rộng phòng chức năng, nhằm tiện lợi cho quản lý và hoạt động của TV trong kỷ nguyên số.

TV trường ĐH không chỉ giới hạn ở phạm vi đọc, mượn, tra cứu tài liệu mà còn có nhiều chức năng hỗ trợ để TV phát triển theo đúng sứ mạng và tầm nhìn của nó, chẳng hạn như:

TV có phòng trưng bày để giới thiệu về chiều dài lịch sử của quá trình hình thành và phát triển TV;

TV có phòng dịch vụ, marketing để mở rộng các phương thức dịch vụ, phục vụ người dùng TV nói chung và cho tất cả cá nhân khác có nhu cầu, nhằm đem lại sự tiện lợi cho người dùng TV;

TV có phòng đọc chuyên ngành để người dạy,

người học tham khảo đúng nguồn tài liệu cần tìm, sự yên tĩnh riêng biệt của phòng đọc chuyên ngành là để khơi nguồn sáng tạo trong tư duy học tập, dạy học.

2.3.5. Các hoạt động nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu người sử dụng thư viện

Quản lý các hoạt động của TV trường ĐH chú trọng đến: Xây dựng tài nguyên thông tin; Xử lý CNTT và tổ chức hệ thống tra cứu thông tin; Bảo quản tài nguyên thông tin; Tạo lập, cung cấp sản phẩm thông tin TV và dịch vụ TV; Liên thông TV; Phát triển văn hóa đọc; Phát triển TV số; Hiện đại hóa TV; Truyền thông TV; Hợp tác quốc tế về TV; Đánh giá hoạt động TV... Trong các hoạt động đó TV lưu ý đến việc thực thi Luật Luật Sở hữu Trí tuệ Việt Nam cũng như các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Hoạt động nghiệp vụ của TV đáp ứng mục tiêu GD&ĐT, định hướng xã hội học tập, thực hiện NCKH, ứng dụng KHCN là nhiệm vụ hàng đầu và chính yếu của TV trường ĐH.

3. Kết luận

Với mục đích của sự phát triển GD&ĐT NNL đòi hỏi TV phải được cải tiến mỗi ngày, để bắt kịp với nhu cầu thực tiễn, phù hợp với xu thế chung của thế giới. Đội ngũ cán bộ TV có năng lực phục vụ người dùng TV trong kỷ nguyên số cần thiết được bồi dưỡng năng lực số, phương thức phục vụ người dùng tin mọi lúc, mọi nơi. Và hướng dẫn người dùng TV các thao tác trên các ứng dụng hiện đại nhằm đáp ứng nhu cầu tìm kiếm thông tin cho học tập, nghiên cứu, giảng dạy mỗi ngày thêm hiệu quả. Bài viết còn có những hạn chế nhất định về: phân loại đối tượng sử dụng TV nhằm đề xuất biện pháp riêng với mỗi đối tượng sử dụng TV cho việc cải thiện TV được chi tiết hơn, đáp ứng nhu cầu của từng đối tượng sử dụng một cách riêng biệt. Đó là sự khác biệt trong định hướng nghiên cứu quản lý TV ĐH trong kỷ nguyên số.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2023). *Thông tư số 14/2023/TT-BGDĐT, Quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục ĐH*, Hà Nội.

2. Quốc Hội. (2019). *Luật Thư viện*. NXB Lao động, Hà Nội

3. Đinh Thùy Dung (2021). *Chức năng, vai trò và ý nghĩa của thư viện trong xã hội*.

4. Ngô Hồng Diệp, Lược dịch (2017). *Vai trò của các thư viện trong xã hội tri thức mở. Thư viện Quốc gia Việt Nam*.

5. Trần Đức Hòa, Nguồn tài liệu (2022). *Năng lực số là gì? Khung năng lực số UNESCO, CAUL*.